

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Cơ khí Chuyên ngành: Chế tạo máy

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

- Họ và tên người đăng ký: Ngô Hữu Mạnh
- Ngày tháng năm sinh: 30/01/1981 Nam Nữ Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không
- Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:
- Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Tân Chi – Tiên Du – Bắc Ninh.
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố):
Số 164, đường Hữu Nghị, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện):
TS. Ngô Hữu Mạnh – TP. Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế, Trường Đại học Sao Đỏ
Số 76, đường Nguyễn Thị Duệ, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương
Điện thoại di động: 0936847980 E-mail: manh.weldtech@gmail.com
- Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Thời gian	Nhiệm vụ/Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ 11/2002 đến 6/2004	Giảng viên khoa Cơ khí	Trường Đại học Sao Đỏ
Từ 7/2004 đến 11/2011	- Giảng viên khoa Kết cấu kim loại - Bí thư Liên chi đoàn khoa Kết cấu kim loại	Trường Đại học Sao Đỏ
Từ 12/2011 đến 7/2015	Giảng viên khoa Cơ khí	Trường Đại học Sao Đỏ
Từ 8/2015 đến 10/2020	- Giảng viên - Phó Trưởng phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế	Trường Đại học Sao Đỏ
Từ 11/2020 đến nay	- Giảng viên chính - Bí thư chi bộ Quản lý khoa học - Trưởng phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế	Trường Đại học Sao Đỏ

- Chức vụ hiện nay: Giảng viên chính, Bí thư chi bộ, Trưởng phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế
- Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế
- Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Sao Đỏ.
- Địa chỉ cơ quan: Số 76, đường Nguyễn Thị Duệ, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương
- Điện thoại cơ quan: 0220.3882269
- Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu: Chưa

- Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):
- Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):.....

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 02 tháng 4 năm 2007; số văn bằng: A0001533; ngành: Công nghệ cơ khí, chuyên ngành: Cử nhân sư phạm Công nghệ Cơ khí; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên, Việt Nam.
- Được cấp bằng ĐH (Văn bằng 2) ngày 03 tháng 12 năm 2019; số văn bằng: 296093; ngành: Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành: Ngôn ngữ Anh; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Sao Đỏ, Việt Nam.
- Được cấp bằng ThS ngày 13 tháng 01 năm 2011; số văn bằng: A012295; ngành: Kỹ thuật Cơ khí; chuyên ngành: Kỹ thuật Cơ khí; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Việt Nam.
- Được cấp bằng TS ngày 08 tháng 4 năm 2016; số văn bằng: D000277; ngành: Kỹ thuật Cơ khí; chuyên ngành: Kỹ thuật Cơ khí; Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng năm , ngành:.....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Ngành Cơ khí, Liên ngành Cơ khí – Động lực.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu, mô phỏng và dự đoán sự chuyển pha, tổ chức kim loại, ứng suất, biến dạng của chi tiết/kết cấu cơ khí.
- Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo hệ thống thiết bị cơ khí và tự động hóa quá trình sản xuất.
- Nghiên cứu, tối ưu hóa quy trình công nghệ gia công, chế tạo sản phẩm cơ khí.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng):..... NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng): 03 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 08 đề tài khoa học và công nghệ (KHCN) từ cấp cơ sở trở lên, trong đó:

+ Làm chủ nhiệm 05 đề tài, dự án KHCN; trong đó có 02 đề tài KHCN cấp Trường, 02 đề tài KHCN cấp Bộ Công Thương, 01 dự án KHCN tiềm năng do Quỹ Đổi mới sáng tạo Vingroup tài trợ đã được nghiệm thu.

+ Làm thư ký khoa học và thành viên chính của 03 đề tài KHCN cấp Bộ đã được nghiệm thu.

- Đã công bố (số lượng) 38 bài báo khoa học, trong đó 05 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín thuộc danh mục ISI và Scopus. Trong đó có 04 công trình được trích dẫn trên 10 lần. Trên Google Scholar, ứng viên có chỉ số H-index là 5 và i10-index là 4.

<https://scholar.google.com.vn/citations?hl=vi&user=dOeX6KwAAAAJ>

- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích:

+ Là tác giả của 01 giải pháp hữu ích đã được chuyển giao cho doanh nghiệp ứng dụng vào thực tế sản xuất và đoạt giải thưởng Sáng tạo KHCN Việt Nam (Vifotec) 2016;

+ Là đồng tác giả của 01 bằng độc quyền sáng chế trong nước và 01 bằng độc quyền sáng chế quốc tế (đã được chấp nhận đơn đăng chờ cấp bằng).

- Số lượng sách đã xuất bản: Là chủ biên 01 sách chuyên khảo Công nghệ hàn Plasma bột – PTA được xuất bản bởi Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Là tác giả chính của 03 công trình và đồng tác giả của 01 công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ. Trong đó:

+ Là tác giả chính 01 công trình đoạt giải Khuyến khích - Giải thưởng Sáng tạo KHCN Việt Nam (Vifotec) năm 2016 (Quyết định số 1038/QĐ-LHHVN ngày 28/12/2016).

+ Là tác giả chính 01 công trình đoạt giải C - Giải thưởng Sáng tạo KHCN Côn Sơn giai đoạn 2011-2016 (Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 06/01/2017).

+ Là tác giả chính 01 công trình đoạt giải Nhì - Hội thi Sáng tạo KHCN tỉnh Hải Dương năm 2021 (Quyết định số 3963/QĐ-UBND ngày 30/12/2021).

+ Là đồng tác giả của 01 công trình đoạt giải Nhì - Hội thi Sáng tạo KHCN tỉnh Hải Dương năm 2017 (Quyết định số 3825/QĐ-UBND ngày 08/12/2017).

- Được tặng thưởng 10 Bằng khen và Bằng lao động sáng tạo, cụ thể:

+ 01 Bằng khen của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam năm 2016 (Quyết định số 1038/QĐ-LHHVN ngày 28/12/2016).

+ 01 Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam năm 2016 (Quyết định số 1218/QĐ-TLĐ ngày 11/7/2016).

+ 03 Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương năm 2017 và 2018 (Quyết định số 4070/QĐ-BCT ngày 27/10/2017, Quyết định số 3407/QĐ-BCT ngày 01/9/2017, Quyết định số 3844/QĐ-BCT ngày 26/12/2018).

+ 01 Bằng khen của Tổng hội Cơ khí Việt Nam năm 2018 (Quyết định số 64/QĐKT-THCK ngày 05/10/2018).

+ 02 Bằng khen của Công đoàn Công thương Việt Nam năm 2016 và 2018 (Quyết định số 219/QĐ-CĐCT ngày 10/10/2016 và Quyết định số 313/QĐ-CĐCT ngày 26/10/2018).

+ 01 Bằng khen của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam năm 2019 (Quyết định số 1608/QĐ-CDCT ngày 22/10/2019).

+ 01 Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương năm 2022 (Quyết định số 2415/QĐ-UBND ngày 09/9/2022).

- Là Chiến sĩ thi đua cấp Cơ sở từ năm 2016 đến nay.

- Là Chiến sĩ thi đua cấp Bộ Công Thương năm 2018.

- Là Đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ từ năm 2010 đến nay.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Với 20 năm công tác giảng dạy và nghiên cứu tại Trường Đại học Sao Đỏ (trong đó có 13 năm giảng dạy đại học), ứng viên tự đánh giá, nhận xét về bản thân như sau:

- Về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức:

+ Có phẩm chất đạo đức tốt, tư tưởng ổn định, lập trường vững vàng, luôn tin tưởng và chấp hành tốt chủ trương, đường lối lãnh đạo của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nội quy của cơ quan công tác và quy định của địa phương nơi cư trú.

+ Có sức khỏe tốt để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của nhà trường và xã hội.

+ Có lý lịch bản thân và gia đình rõ ràng, sống giản dị, hòa đồng, luôn giữ gìn phẩm chất đạo đức nhà giáo, được đồng nghiệp tin tưởng và sinh viên yêu quý, kính trọng.

+ Có tinh thần trách nhiệm cao, không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu của nhà trường và xã hội; luôn cố gắng, tích cực, chủ động, sáng tạo trong công việc và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

+ gương mẫu thực hiện tốt trách nhiệm, nghĩa vụ công dân và nhà giáo; tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn, phong trào của đơn vị và nhà trường để luôn là tấm gương sáng cho sinh viên học tập, noi theo.

- Về giảng dạy và nghiên cứu khoa học:

+ Công tác giảng dạy: Bản thân luôn cố gắng học tập, trau dồi kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm để đáp ứng tốt quá trình giảng dạy; tích cực ứng dụng công nghệ, phương pháp dạy học, công nghệ thông tin vào quá trình giảng dạy để nâng cao chất lượng bài giảng và giúp sinh viên học tập tốt hơn. Bên cạnh đó, ứng viên luôn chấp hành tốt sự phân công giảng dạy của khoa Cơ khí và các quy định về hoạt động đào tạo của Nhà trường. Hằng năm, ứng viên luôn giảng dạy vượt số giờ theo quy định đối với giảng viên. Ngoài ra, ứng viên đã hướng dẫn chính 03 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn và được cấp bằng thạc sỹ, 06 sinh viên hoàn thành và bảo vệ đề án tốt nghiệp đúng tiến độ; tổ chức, chủ trì và tham gia các hội thảo, hội nghị khoa học; tham gia Hội đồng khoa học và đào tạo của khoa Cơ khí và Nhà trường để góp ý xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo, trong đó có ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ khí, Kỹ thuật Cơ điện tử, Công nghệ kỹ thuật Ô tô;...

+ Công tác nghiên cứu khoa học: Bên cạnh hoạt động giảng dạy, ứng viên luôn tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Là một giảng viên được Nhà trường giao nhiệm vụ làm Trưởng phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế, ứng viên luôn tích cực, tự giác tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, hỗ trợ doanh nghiệp cải tiến dây chuyền sản xuất, hỗ trợ giảng viên và sinh viên Nhà trường trong hoạt động KHCN. Đến nay, ứng viên đã chủ nhiệm và tham gia thực hiện 08 đề tài/dự án khoa học và công nghệ các cấp. Bên cạnh đó, ứng viên đã công bố 38 công trình nghiên cứu trên các tạp chí, hội nghị khoa học uy tín trong nước và quốc tế; đoạt được 04 giải thưởng KHCN cấp Quốc gia và cấp Tỉnh; xuất bản được sách 01 chuyên khảo để hỗ trợ giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên; là đồng chủ nhiệm của 01 sáng chế trong nước và 01 sáng chế quốc tế (đang chờ cấp bằng); được tặng thưởng 10 bằng khen trong hoạt động đào tạo và KHCN; được mời tham gia phản biện cho nhiều tạp chí uy tín trong nước và Hội đồng đánh giá luận văn thạc sỹ, luận án tiến sỹ;...

- Về ngoại ngữ: Trong quá trình giảng dạy và nghiên cứu khoa học, ứng viên thường xuyên sử dụng tiếng Anh để đọc tài liệu, phục vụ công tác chuyên môn, giảng dạy và trao đổi thông tin, viết bài báo khoa học gửi đăng các tạp chí/hội nghị. Để không ngừng nâng cao năng lực về ngoại ngữ, ứng viên đã tham gia học và được cấp văn bằng 2 ngành Ngôn ngữ Anh.

- Về năng lực quản lý: Hiện nay, ứng viên đang làm Trưởng phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế (QLKH&HTQT) của Trường Đại học Sao Đỏ. Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học, ứng viên luôn chủ động tham mưu với lãnh đạo Nhà trường để không ngừng đổi mới quy chế quản lý nhằm khuyến khích giảng viên và sinh viên tích cực tham gia hoạt động KHCN; từ đó thúc đẩy hoạt động KHCN của Nhà trường ngày càng phát triển. Vì vậy, những kết quả đạt được trong hoạt động KHCN của Nhà trường đã được Hội đồng đánh giá cao trong 02 lần kiểm định, công nhận chất lượng giáo dục năm 2017 và 2023; cũng như trong 02 đợt đánh giá, kiểm định 06 chương trình đào tạo năm 2021 và 2022 của Trường Đại học Sao Đỏ.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 13 năm

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn GD trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn GD trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn GD quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2016-2017				02 SV	150		150/138/81
2	2017-2018				01 SV	150		150/138/81
3	2018-2019				01SV	150		150/126/81
4	2019-2020				01SV	180		180/144/81
03 năm học cuối								
5	2020-2021			02 ThS	01SV	150		150/126/75
6	2021-2022			01 ThS		150		150/126/75
7	2022-2023					120		120/120/75

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường Đại học Sao Đỏ cấp bằng tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh, số bằng 296093, năm cấp 2019.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Khoa Cơ khí, Trường Đại học Sao Đỏ, Việt Nam.

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Văn bằng 2 ngành Ngôn ngữ Anh, số bằng 296093, năm cấp 2019

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/ CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ...đến...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK 2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Văn Kiên		HVCH	X		Từ 09/2020 đến 04/2021	Học viện Kỹ thuật Quân sự	Được cấp bằng ngày 09/7/2021 theo Quyết định số 2733/QĐ-HV ngày 06/7/2021
2	Châu Vĩnh Tiến		HVCH	X		Từ 02/2021 đến 10/2021	Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vĩnh Long	Được cấp bằng ngày 17/12/2021 theo Quyết định số 219/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 16/12/2021
3	Nguyễn Hoàng Minh Trí		HVCH	X		Từ 10/2021 đến 06/2022	Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vĩnh Long	Được cấp bằng ngày 31/10/2022 theo Quyết định số 108/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 28/6/2022

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang...)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Công nghệ hàn Plasma bột - PTA	CK	Khoa học và Kỹ thuật, năm 2021	01	x	Từ trang 01 đến 155	Quyết định số 506A/QĐ-ĐHSD ngày 30/9/2022 của Trường Đại học Sao Đỏ

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang...đến trang...(ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu sự ảnh hưởng của chế độ công nghệ hàn SMAW đến thành phần, cơ tính và khả năng chịu mài mòn của lớp đắp trên bề mặt trục vít ép, đùn.	CN	- Mã số: 04.2015RD - Cấp Trường	Từ 9/2015 đến 6/2016	- Quyết định giao đề tài số 486/QĐ-ĐHSD ngày 17/9/2015 - Thời gian nghiệm thu 5/2016 theo Quyết định số 46/QĐ-ĐHSD ngày 26/01/2016 - Xếp loại: Xuất sắc - Quyết định công nhận số 308/QĐ-ĐHSD ngày 14/6/2016
2	Nghiên cứu, ứng dụng mạng Nơ-ron và logic mờ xây dựng mô hình thu thập, xử lý và dự báo một số thông số môi trường khu vực tỉnh Hải Dương	TK	- Mã số: ĐTKHCN.175/16 - Cấp Bộ Công Thương	Từ 01/2016 đến 12/2016	- Quyết định đặt hàng số 14595/QĐ-BCT ngày 30/12/2015 - Thời gian nghiệm thu 28/12/2016 theo Quyết định Hội đồng nghiệm thu số 4929/QĐ-BCT ngày 19/12/2016 - Xếp loại: Đạt - Giấy chứng nhận kết quả nghiên cứu số 2017-24-088/KQNC

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
3	Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo máy cắt laser dùng để cắt vật liệu vải, da phục vụ sản xuất tại Trường Đại học Sao Đỏ	TK	- Mã số: ĐTKHCN.175/17 - Cấp Bộ Công Thương	Từ 01/2017 đến 12/2017	- Quyết định đặt hàng số 5156/QĐ-BCT ngày 30/12/2016 - Thời gian nghiệm thu 21/12/2017 theo Quyết định Hội đồng nghiệm thu số 4624/QĐ-BCT ngày 11/12/2017 - Xếp loại: Xuất sắc - Giấy chứng nhận kết quả nghiên cứu số 2018-24-110/KQNC
4	Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo thiết bị hàn Orbital tự động	CN	- Mã số: ĐTKHCN.067/18 - Cấp Bộ Công Thương	Từ 01/2018 đến 12/2018	- Quyết định đặt hàng số 4868/QĐ-BCT ngày 28/12/2017 - Thời gian nghiệm thu 20/12/2018 theo Quyết định Hội đồng nghiệm thu số 4476/QĐ-BCT ngày 03/12/2018 - Xếp loại: Đạt - Giấy chứng nhận kết quả nghiên cứu số 2018-24-1216/KQNC
5	Nghiên cứu, xây dựng quy trình hàn phủ hợp kim bằng công nghệ hàn dây lõi thuốc tự động (Auto-FCAW)	CN	- Mã số: 15.KHCN/17-18 - Cấp Trường	Từ 8/2017 đến 6/2018	- Quyết định giao đề tài số 348/QĐ-ĐHSD ngày 30/8/2017 - Thời gian nghiệm thu 5/2018 theo Quyết định số 146/QĐ-ĐHSD ngày 20/4/2018 - Xếp loại: Đạt - Quyết định công nhận số 237/QĐ-ĐHSD ngày 15/6/2018
6	Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo khuôn dập bằng Composite ứng dụng trong lĩnh vực sản xuất ngói nung	CN	- Mã số: ĐTKHCN.028/19 - Cấp Bộ Công Thương	Từ 01/2019 đến 12/2019	- Quyết định đặt hàng số 5048/QĐ-BCT ngày 27/12/2018 - Thời gian nghiệm thu 22/12/2019 theo Quyết định Hội đồng nghiệm thu số 3767/QĐ-BCT ngày 18/12/2019 - Xếp loại: Đạt - Giấy chứng nhận kết quả nghiên cứu số 2020-24-109/KQNC

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
7	Nghiên cứu, phân loại hoa quả xuất khẩu bằng công nghệ xử lý ảnh kết hợp mạng trí tuệ nhân tạo	PCN	- Mã số: ĐTKHCN.120/20 - Cấp Bộ Công Thương	Từ 01/2020 đến 12/2021	- Quyết định đặt hàng số 3896/QĐ-BCT ngày 27/12/2019 - Thời gian nghiệm thu 27/12/2021 theo Quyết định Hội đồng nghiệm thu số 2855/QĐ-BCT ngày 21/12/2021 - Xếp loại: Đạt - Giấy chứng nhận kết quả nghiên cứu số 2022-24-0467/KQNC
8	Nghiên cứu phát triển công nghệ hàn mới, thiết kế, chế tạo hệ thống hàn tự động ứng dụng hàn nối kim loại tấm mỏng và siêu mỏng vật liệu đồng chất hoặc không đồng chất trong các ngành sản xuất mũi nhọn	CN	- Mã số: VINIF.2020.DA12 - Quỹ đổi mới sáng tạo Vinif (Vingroup)	Từ 11/2020 đến 10/2022	- Thỏa thuận đặt hàng số: VINIF.2020.DA12 ngày 16/10/2020 - Thời gian nghiệm thu: 17/02/2023 - Xếp loại: Đạt - Quyết định công nhận kết quả nghiên cứu số 23052/2023/QĐ-VNCDLL ngày 23/5/2023 của Viện nghiên cứu dữ liệu lớn (VinBigData)

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Trước khi được công nhận TS								
1.	Nghiên cứu ảnh hưởng của cường độ dòng hàn và chiều dài hồ quang đến sự tham gia của kim loại cơ bản vào mối hàn khi hàn bằng công nghệ hàn plasma bột	3	X	Tạp chí Cơ khí Việt Nam/ ISSN 0866-7056			Số 11, trang 22-26	2013

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
2.	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của kim loại cơ bản vào môi hàn bằng công nghệ plasma bột	4	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ các trường Đại học Kỹ thuật/ ISSN 0868-3980			Số 98, trang 34-38	2014
3.	Shape and microstructure of the weld metal during hardsurfacing welding by Eutroloy 16606 powder alloy on the C45 carbon steel by PTA welding technology	4	X	Proceedings: The 7 th AUN/SEED-Net Regional Conference on Mechanical and Manufacturing Engineering 2014 (RCMME 2014)/ ISBN 978-604-911-942-2			pp. 8-14	2014
4.	Nghiên cứu sự chuyển động đối lưu của dòng kim loại lỏng trong vùng khí hàn plasma bột	3	X	Tạp chí Cơ khí Việt Nam/ ISSN 0866-7056			Số 03, trang 48-53	2014
5.	Affect of Chromium Carbide to Microstructure and Microhardness of the Weld Metal During PTA Welding by Eutroloy 16606 Powder Alloys on Carbon Mild Steel	3	X	Journal of Science and Technology Technical Universities/ ISSN 2354-1083			Vol. 109, pp. 78-81	2015
6.	Hàn hợp kim bột Durmat 625 (Inconel 625) trên nền thép C45 bằng quá trình hàn PTA	3	X	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học và Công nghệ hạt nhân toàn quốc lần thứ XI-2015/ ISBN 978-604-931-521-3			Trang 182-183	2015
7.	Thiết kế quy trình hàn thép không gỉ SS 304L với thép Carbon A106B	3		Kỷ yếu Hội nghị Khoa học và Công nghệ hạt nhân toàn quốc lần thứ XI-2015/ ISBN 978-604-931-521-3			Trang 177-178	2015

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
8.	Nghiên cứu cấu trúc tế vi và độ cứng của lớp đắp bề mặt trục vít trong lĩnh vực sản xuất gạch, ngói.	2	x	Kỷ yếu Hội nghị khoa học và công nghệ toàn quốc về Cơ khí lần thứ IV-2016/ ISBN: 978-604-73-3691-3			Tập 2, trang 357-363	2016
Sau khi được công nhận TS								
9.	Phân tích sức bền giới hạn kết cấu tàu pha sông biển dưới tác dụng của mô men uốn.	3		Tạp chí Cơ khí Việt Nam/ ISSN 0866-7056			Số 03, trang 42-46	2016
10.	Nghiên cứu ảnh hưởng của cấu trúc tế vi và độ cứng đến tuổi thọ của cánh vít	3	x	Kỷ yếu Hội nghị khoa học và công nghệ toàn quốc về Cơ khí-Động lực chào mừng 60 năm thành lập Trường Đại học Bách khoa Hà Nội/ ISBN 978-604-95-0040-4			Tập 1, trang 272-275	2016
11.	Investigation of convective flow of weld pool in plasma keyhole arc welding	3		The National Science and Technology Conference on Mechanical – Transportation Engineering (NSCMET 2016)/ ISBN 978-604-95-0040-4			Vol. 1, pp. 267-271	2016
12.	Nghiên cứu tổ chức và độ cứng tế vi của lớp kim loại đắp bề mặt búa nghiền trong lĩnh vực khai thác than và đá	4	x	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học - Kỹ thuật Mỏ toàn quốc lần thứ XXV/ ISBN 978-604-931-201-4			Trang 520 – 522	2016

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
13.	Nghiên cứu, mô phỏng ứng suất và biến dạng của sàng rung trong quá trình làm việc	5	x	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học - Kỹ thuật Mỏ toàn quốc lần thứ XXVI, Công nghiệp Mỏ thế kỷ 21/ ISBN 978-604-931-521-3			Trang 339 – 342	2018
14.	Phân tích và mô phỏng trường nhiệt khi hàn liên kết ống bằng phần mềm SYSWELD	4	x	Kỷ yếu Hội nghị khoa học và công nghệ toàn quốc về Cơ khí lần thứ V/ ISBN 978-604-67-1103-2			Trang 510-519	2018
15.	Behavior of Exit Keyhole Diameter during Switch off Period in Plasma Keyhole Arc Welding	6		Scientific.Net Advanced Engineering Forum/ P. ISSN 2234-9898; E. ISSN 2234-991X	Scopus (Q4, IF2018=0.55)	1	Vol. 26, pp. 87-92	2018
16.	Research and Development of a Novel TIG Welding Torch for Joining Thin Sheets	5	x	Applied Sciences/ ISSN 2076-3417	ISI/SCIE (Q1, IF2019= 2.22)	5	2019, 9 (23), 5260	2019
17.	Ảnh hưởng của chế độ cắt đến hình dạng phoi và độ nhám bề mặt khuôn khi phay vật liệu UHMWPE	1	x	Tạp chí Khoa học công nghệ Hàng Hải/ ISSN 1859-316X			Số 61-1/2020, trang 58-63	2020
18.	Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ hàn để hàn thép không gỉ 304 với thép các bon A53	1	x	Tạp chí Khoa học Thủy lợi và Môi trường/ ISSN 1859-3941			Số 68/3-2020, trang 75-80	2020
19.	Influence of Shielding gas composition on molten metal flow behavior during Plasma Keyhole Arc Welding process.	6		Journal of Manufacturing Processes, ISSN: 1526-6125	ISI/SCIE (Q1, IF2020=3.5)	12	53, 431–437	2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
20.	Material Flow Behavior on Weld Pool Surface in Plasma Arc Welding Process Considering Dominant Driving Forces	7	x	Applied Sciences/ ISSN 2076-3417	ISI/SCIE (Q1, IF2020= 2.84)	12	10, 3569	2020
21.	Effects of Different Roller Profiles on the Microstructure and Peel Strength of the Ultrasonic Welding Joints of Nonwoven Fabrics	5		Applied Sciences/ ISSN 2076-3417	ISI/SCIE (Q1, IF2020= 2.84)	21	12, 4101	2020
22.	Phân tích và mô phỏng quá trình hàn giáp mối vát mép chữ V giữa thép các bon SS400 với thép không gỉ SUS304	1	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ/ P-ISSN 1859-3585; E-ISSN 2615-9619			Tập 56, Số 4-8/2020, trang 63-68	2020
23.	Effect of the eddies formed inside a weld pool on welding defects during plasma keyhole arc welding	5		Journal of Manufacturing Processes/ ISSN 1526-6125	ISI/SCIE (Q1, IF2020=3.5)	15	59, 649–657	2020
24.	Tối ưu hóa chế độ cắt và độ nhám bề mặt khuôn dập khi gia công vật liệu composite nền nhựa, cốt hạt	4	x	Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ/ ISSN 1859-4190			Số 1 (72)/2021, trang 32-28	2021
25.	Phân tích sự chuyển pha và trường nhiệt khi hàn nối ống thép các bon bằng quá trình Orbital - MAG	2	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ/ P-ISSN 1859-3585; E-ISSN 2615-9619			Tập 57, Số 2-4/2021, trang 72-77	2021
26.	Influence of Groove Angle in Butt Joint on Predicting Shrinkages Using SAW Process	5		The International conference on advanced mechanical engineering, automation and sustainable development 2021 (AMAS 2021)/ ISBN 978-3-030-99666-6 (e.Book); e.ISSN 2195-4364			pp. 86–91	2021
27.	Simulation on the phase transition and temperature fields during joining dissimilar metals by Orbital – TIG auto welding process	3	x		Scopus (Q4, IF2022=0.52)		pp. 252–260	2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
28.	Chemistry effect of temperature on phase change, grain size and shrinkage of 0.76(Bi0.5Na0.5)TiO3 - 0.24SrTiO3	5		Журнал «Интернаука»/ Chemistry, ISSN 2687-0142			Part 4, № 10 (233), pp. 51-54	2022
29.	Ảnh hưởng của Crôm các bit đến độ cứng và khả năng làm việc của cánh vít khi hàn bột hợp kim Durmat 506 PTA	1	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ/ P-ISSN 1859-3585; E-ISSN 2615-9619			Tập 58, Số 2-4/2022, trang 72-77	2022
30.	Development of a novel GTAW process for joining ultra-thin metal sheets	5	X	Journal of Manufacturing Processes/ ISSN 1526-6125	ISI/SCIE (Q1, IF2022=5,68)	7	80, 683–691	2022
31.	Laser and using laser cutting fabric, leather in industry	3	X	Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ/ P.ISSN 1859-4190; E.ISSN 2815-553X			Số 2 (77)/2022, trang 45-49	2022
32.	Development of Novel Welding Process for Joining Micro-Thin Sheet Metals: Part 1- Numerical Simulation	8	X	ASM Proceedings of the International Conference: Trends in Welding Research			pp. 637-640	2022
33.	Research and Develop Novel Arc-Plasma-Spot Welding Process	8	X				pp. 641-644	2022
34.	Elucidate 4-Dimensional Material Flow in Welding and Additive Manufacturing by X-ray Image Technology	8					pp. 246-251	2022
35.	Successful joining of ultra-thin AA3003 aluminum alloy sheets by the novel GTAW process	4	X	Journal of Vacuum/ ISSN 1526-6125	ISI/SCIE (Q1, IF2023=4.11)	4	207, 111558	2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
36.	Unique characteristics of the novel-GTAW process for the butt joint of ultra-thin silicon steel sheets	7	X	Journal of Manufacturing Processes/ ISSN 1526-6125	ISI/SCIE (Q1, IF2022=5.68)	1	85, 894–903	2023
37.	Thiết kế, chế tạo thiết bị cắt kim loại tấm mỏng, ứng dụng trong các ngành công nghiệp	5	X	Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ/ P.ISSN 1859-4190, E.ISSN 2815-553X			Số 1(80)/2023, trang 23-28	2023
38.	Fuzzy Nonsingular Fast Terminal Sliding Mode Control for Pendubot with Uncertainties	5		Conference on intelligent systems and networks (ICISN 2023)	Scopus (Q4, IF2023=0,5)		pp.	2023

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 05 bài [16, 20, 30, 35, 36]

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1	Thiết bị gá kẹp dùng cho hệ thống hàn, phương pháp cố định tấm vật liệu được hàn và phương pháp hàn hồ quang đối với tấm mỏng và rất mỏng.	Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam	5/2021	Đồng tác giả	05

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
2	Clamping device for welding system, method of fixing welded material sheets and method of arc welding for thin and very thin sheets.	PCT/WIPO	2/2022	Đồng tác giả	03
3	cứu xây dựng qui trình xử lý, phục hồi nâng cao hiệu suất làm việc của trục vít ép đùn trong lĩnh vực sản xuất gạch, ngói lên 1,5 lần tương đương 1.200.000 sản phẩm/lượt	Liên hiệp các hội KH&KT Việt Nam	12/2016	Tác giả chính	05

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau TS: 01 giải pháp hữu ích

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế
1	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	Ủy viên tham gia	Quyết định số 289/QĐ-ĐHSD ngày 01/7/2020	Trường Đại học Sao Đỏ	Chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ khí
2	Kỹ thuật Cơ điện tử	Ủy viên tham gia	Quyết định số 388/QĐ-ĐHSD ngày 28/9/2021	Trường Đại học Sao Đỏ	Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Cơ điện tử

8.1. Xây dựng và phát triển chương trình đào tạo

Trong quá trình giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại Trường Đại học Sao Đỏ, ứng viên đã tham gia xây dựng và phát triển chương trình đào tạo kỹ sư các ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ khí và Kỹ thuật Cơ điện tử do khoa Cơ khí quản lý. Bên cạnh đó, ứng viên trực tiếp tham gia xây dựng đề cương, thẩm định nội dung, đánh giá chuẩn đầu ra các học phần do khoa Cơ khí quản lý như: Vật liệu cơ khí, Công nghệ xử lý bề mặt, Công nghệ kim loại,...

8.2. Ứng dụng khoa học Công nghệ của cơ sở giáo dục Đại học

Trong quá trình công tác tại Trường Đại học Sao Đỏ (đặc biệt sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ năm 2015), ứng viên đã tích cực tham gia hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí, hội nghị khoa học trong nước và quốc tế. Đồng thời, ứng viên đã tích cực hướng dẫn, hỗ trợ sinh viên và học viên cao học tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học. Từ năm 2015 nay, ứng viên đã hướng dẫn chính 03 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ và 06 sinh viên bảo vệ đồ án tốt nghiệp.

Bên cạnh đó, ứng viên luôn tích cực hợp tác, tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển công nghệ để cải tiến/đổi mới dây chuyền sản xuất không ngừng nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Trong giai đoạn từ 2015 đến nay, ứng viên đã tư vấn, đào tạo, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ đổi mới cải tiến dây chuyền sản xuất cho nhiều công ty/doanh nghiệp. Một số công trình tiêu biểu như:

- Nâng cao tuổi thọ của trục vít ép đùn trong lĩnh vực sản xuất gạch, ngói nung. Giải pháp đã giúp nâng cao tuổi thọ của trục vít ép, đùn lên 1,5÷2 lần. Công trình đã được chuyển giao cho Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều (Quảng Ninh), Công ty gạch ngói Đất Việt (Quảng Ninh), Công ty Gốm Mỹ (Hải Dương). Công trình đã đoạt giải Khuyến khích Giải thưởng Sáng tạo KH-CN Việt Nam (Vifotec) năm 2016 và Giải C - Giải thưởng KH-CN Côn Sơn lần thứ IV giai đoạn 2011-2016.

- Tư vấn, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ hàn phục hồi trục khuỷu xe tăng cho Nhà máy Z153 (Hà Nội).

- Tư vấn, đào tạo và chuyển giao công nghệ hàn phục hồi xupáp tàu thủy cho Công ty TNHH Hưng Thịnh (Hải Phòng).

- Tư vấn, đào tạo và chuyển giao công nghệ hàn phục hồi búa nghiền cho Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều (Quảng Ninh), Công ty gạch ngói Đất Việt (Quảng Ninh), Công ty TNHH Phương Đông (Hà Nội).

- Tư vấn, hỗ trợ, nghiên cứu phát triển công nghệ, chế tạo thiết bị cắt plasma CNC và thiết bị hàn dầm I/H tự động cho Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghệ Nam Vương (Hà Nội).

- Thiết kế, gia công khuôn dập ngói bằng vật liệu composite nền nhựa (UHMWPE), cốt hạt (CrC, WC) để thay thế khuôn dập thép truyền thống (SKD11) ứng dụng trong lĩnh vực sản xuất ngói. Giải pháp đã được chuyển giao công nghệ cho Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều (Quảng Ninh), Công ty gạch ngói Đất Việt (Quảng Ninh), Công ty TNHH Phương Đông (Hà Nội), Công ty Cổ phần Hoàng Tiến (Hải Dương). Công trình đã đoạt giải Nhì - Hội thi Sáng tạo KH-CN tỉnh Hải Dương năm 2021.

- Tư vấn, hỗ trợ phát triển công nghệ, kỹ thuật hàn để tạo vật liệu Bimetal và tấm chịu mòn ứng dụng trong ngành sản xuất xi măng cho Công ty Cổ phần Bảo Chi (Hà Nội).

- Tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật, giải pháp công nghệ hàn plasma bột (Powder plasma transfer arc welding) và hàn laser bột (Powder laser welding) để tạo lớp bề mặt các chi tiết làm việc trong điều kiện khắc nghiệt cho Công ty TNHH Phương Đông (Hà Nội).

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS:

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo:

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy:

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): ...

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PGS

Ứng viên cam đoan những nội dung trên là đúng và chính xác, nếu sai ứng viên xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hải Dương, ngày 16 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



TS. Ngô Hữu Mạnh